

TRUYỀN THÔNG TRONG NHÀ TRƯỜNG VÀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC LỐI SỐNG CHO SINH VIÊN Ở CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

TS. HOÀNG THỊ HƯƠNG - ThS. ĐỖ THU HƯỜNG*

Abstract: Communications is one of important activities in training and education, especially in lifestyle education at universities. Recognizing the role of communications, the resolution No. 29 - NQ / TW of the Central Party standing committee on fundamental and comprehensive reform of education has required applying information and communications technology for education. The measures are proposed to improve the quality of universities' training.

Keywords: Communications, lifestyle, students

1. Quan niệm về truyền thông trong nhà trường (TTNT) và lối sống của sinh viên (SV) ở các cơ sở giáo dục đại học

1.1. TTTNT. Giáo trình *Lí luận báo chí và truyền thông* (TT) định nghĩa: TT là một quá trình mang tính liên tục trao đổi hoặc chia sẻ thông tin, tình cảm, kĩ năng nhằm tạo sự liên kết lẫn nhau để dẫn tới sự thay đổi trong nhận thức và hành vi.

Xét về mặt logic học, "TTNT" là khái niệm nằm trong mối quan hệ bao hàm của khái niệm "truyền thông" nên nội hàm của nó có những dấu hiệu cơ bản tương tự khái niệm "truyền thông", ngoài ra bổ sung thêm một số dấu hiệu khác thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục trong đó có cơ sở giáo dục đại học. Ở đây, chỉ xin bàn luận về TTTNT của các cơ sở giáo dục đại học.

Xét TT trong phạm vi các cơ sở giáo dục đại học, có thể hiểu TTTNT là một quá trình liên tục chuyển tải, chia sẻ và phổ biến thông tin giữa nhà trường với người học nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, điều chỉnh thái độ và hành vi phù hợp với mục tiêu giáo dục và đào tạo (GD-ĐT) của nhà trường và xu hướng phát triển của xã hội.

TTNT (trong các cơ sở giáo dục đại học) có một số đặc điểm cơ bản sau: 1) Là một quá trình chuyển tải và phổ biến thông tin liên tục giữa nhà trường với sinh viên (SV) trong khuôn khổ thời gian hành chính hoặc xuyên suốt 24/24 giờ; 2) Là quá trình chuyển tải và phổ biến những thông tin GD-ĐT của nhà trường đến SV thuộc trường; 3) Nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục SV nâng cao nhận thức, điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với mục tiêu GD-ĐT của nhà trường và nhu cầu của xã hội.

Cơ chế hoạt động của TTTNT cũng dựa theo cơ

chế của TT nói chung, bao gồm các yếu tố: - *Nguồn phát* của TTTNT bao gồm chủ thể mang tính thể chế (nhà trường) hoặc tập thể (phòng, ban, khoa, tổ, Đoàn Thanh niên, Hội SV), cá nhân (GV bộ môn, GV chủ nhiệm, viên chức khoa, phòng, cán sự lớp...); - *Thông điệp* (M - Message): Thông điệp TTTNT rất phong phú và đa dạng nhưng có thể phân chia theo các lĩnh vực GD-ĐT như: giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống; định hướng hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học; chế độ chính sách, thi đua, khen thưởng; công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong nhà trường; hướng nghiệp và tư vấn việc làm...; - *Kênh truyền tải* (C-Channel): Đặc thù của TTTNT là tác động đến SV thông qua rất nhiều kênh/hoạt động của các lực lượng giáo dục trong nhà trường: hoạt động giảng dạy trong những giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khóa bắt buộc (thực tập, thực tế, thực địa) hoạt động ngoại khóa không bắt buộc (tham gia các câu lạc bộ, các hoạt động chính trị - xã hội nhân ngày lễ lớn của nhà trường và của đất nước...); thông qua nhiều công cụ trung gian như loa đài, website, tạp chí, bảng tin...; - *Nguồn nhận* (R - Receiver): Nếu như với TT đại chúng, nguồn nhận là công chúng rộng rãi trong xã hội thì nguồn nhận của TTTNT là SV, học sinh, học viên thuộc trường. Tất nhiên, với sức mạnh của công nghệ điện tử, mạng Internet ngày nay, thông tin TT của một cơ sở giáo dục đại học không thể nói là hoàn toàn đóng kín trong khuôn khổ của nhà trường; - *Phản hồi* (F - Feedback): Là dòng chảy của thông tin từ đối tượng của TT (SV) về nguồn phát, đó chính là ý kiến đánh giá, bình luận hoặc nhu cầu thông tin đòi hỏi nguồn phát phải có những cải tiến, bổ sung, hoàn

* Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

thiện liên tục; - *Hiệu quả* (E - Effect): Là sự chuyển dịch trong nhận thức, thái độ, suy nghĩ và hành vi của đối tượng nhận thông tin. Sự chuyển dịch này được đánh giá theo hệ thống mục tiêu GD-ĐT của các cơ sở giáo dục đại học thể hiện trên ba mặt: nhận thức, kĩ năng, thái độ; - *Nhiều* (N-Noise): Nhiều thông tin là các yếu tố xã hội và kĩ thuật trong phạm vi nhà trường ảnh hưởng đến định hướng thông tin do nguồn phát đã sắp đặt trước.

Như vậy, TTTNT có những đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ cơ bản giống như TT nói chung nhưng có phạm vi, đối tượng xác định cụ thể hơn và luôn hướng tới những mục tiêu GD-ĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của mỗi nhà trường.

1.2. Lối sống SV. Lối sống của SV là cách thức, phương thức sống của SV thể hiện qua sự lựa chọn hoạt động và cách thức thực hiện hoạt động (học tập, nghiên cứu khoa học, lao động, chính trị xã hội, văn hóa tinh thần...) trong những điều kiện khách quan và chủ quan nhất định.

Trên cơ sở định hướng của Đảng và Nhà nước ta về lối sống con người Việt Nam nói chung, SV Việt Nam nói riêng thời kì đẩy mạnh CNH, HĐH, có thể khái quát những giá trị cần hình thành ở SV Việt Nam hiện nay là: *có lối sống tự trọng, tự chủ; tôn trọng pháp luật, kỉ luật kỉ cương; có tinh thần trách nhiệm trước tập thể và cộng đồng; biết ủng hộ và thực hiện lối sống văn minh, tiên bộ, phù hợp bản sắc dân tộc; biết phê phán, đấu tranh với những biểu hiện của lối sống lạc hậu, ích kỉ.* Những giá trị đó phải được thể hiện trong mọi hoạt động sống của SV: học tập, lao động, nghiên cứu khoa học, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa tinh thần (sinh hoạt hàng ngày, vui chơi, giải trí).

2. Vai trò của TTTNT đối với công tác giáo dục lối sống cho SV ở các cơ sở giáo dục đại học

2.1. TT chuyển tải nội dung giáo dục lối sống tốt đẹp đến SV. Giáo dục lối sống nhằm giúp SV hình thành quan niệm, cách sống tốt đẹp và thái độ học tập đúng đắn để từ đó xây dựng những ước mơ, hoài bão cao đẹp, phát triển trí tuệ và nhân cách đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Để đạt được mục tiêu đó, việc chuyển tải đến SV những nội dung thông tin đầy đủ, khoa học, cập nhật và toàn diện về lối sống và học tập đúng đắn là vô cùng cần thiết. Trong xã hội hiện đại ngày nay, TT là một trong những cách thức hữu hiệu để chuyển tải những nội dung giáo dục lối sống tốt đẹp và học tập đúng đắn đến SV.

Trong các cơ sở giáo dục đại học, TTTNT luôn hướng tới các mục đích: thông tin - giáo dục - tuyên truyền - vận động - thay đổi hành vi các đối tượng TT

là SV. Với vai trò như vậy, TT cung cấp những thông tin cơ bản bao gồm những kiến thức nền, kiến thức chuyên biệt, kĩ năng sống và những thông tin cập nhật về lối sống và học tập phù hợp với đối tượng SV. TT thực hiện nhiệm vụ chia sẻ, trao đổi thông tin, kiến thức để nhân lên những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm nhằm thúc đẩy SV thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi, cách thức và phương thức sống. Vì vậy, việc tạo lập môi trường thông tin - giao tiếp phong phú, đa dạng, nhiều chiều trong các cơ sở giáo dục đại học là yêu cầu tất yếu của TTTNT.

2.2. TT là “cầu nối” giữa nhà trường với SV, giúp tăng cường sự trao đổi, hiểu biết giữa nhà trường và người học. Để nâng cao hiệu quả GD-ĐT ở các cơ sở giáo dục đại học, một trong những yếu tố cần thiết là phải tăng cường công tác TTTNT không chỉ nhằm cung cấp thông tin, chuyển tải nội dung giáo dục, nâng cao về mặt nhận thức của SV mà còn tạo nên tâm lí đồng thuận, ủng hộ các mục tiêu GD-ĐT của nhà trường. Để làm được điều đó, TT phải thật sự là cầu nối giữa nhà trường và SV, qua đó tăng cường sự trao đổi, hiểu biết giữa nhà trường với người học.

Trong sự phát triển của TT hiện đại, TTTNT ở các cơ sở giáo dục đại học mang tính hai chiều, trong đó đối tượng tiếp nhận thông tin - SV đóng vai trò không phải là thụ động mà còn có vai trò tương tác với nguồn phát thông tin. TTTNT hướng tới SV, đáp ứng nhu cầu thông tin của SV, qua đó không ngừng hoàn thiện và phát triển chính bản thân tổ chức truyền thông. TT không ngừng cải tiến về nội dung, hình thức, cách thức chuyển tải thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu của đối tượng TT và ngược lại là chính sự phát triển của chủ thể TT - sự phát triển của chính cơ sở giáo dục đại học. Từ đó, hiệu quả điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi của TT được thể hiện ở cả nguồn phát (nhà trường, giáo viên, viên chức các phòng ban...) và nguồn nhận (SV) theo những mục tiêu cả trước mắt và lâu dài.

2.3. TT nâng cao nhận thức, định hướng điều chỉnh lối sống, học tập của SV. Ngày nay, để thay đổi sự lựa chọn và cách thức thực hiện hoạt động sống của SV theo định hướng của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng lối sống mới cần phải tính đến những tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan. Sự phát triển của xã hội hiện đại đang đặt ra nhiều yêu cầu đòi hỏi TTTNT phải không ngừng đổi mới nội dung, hình thức và nâng cao hiệu quả TT nhằm nâng cao nhận thức, điều chỉnh hành vi lối sống và học tập của SV. Đó là yêu cầu của một xã hội chuyển biến nhanh và mạnh mẽ bởi sự phát triển của khoa học và công nghệ phát triển đang tạo cơ hội đem lại nhiều

thông tin hữu ích nhưng cũng chứa đựng nhiều thông tin “rác” đòi hỏi TTTNT định hướng SV biết tiếp thu, vận dụng những thông tin hữu ích trong quá trình học tập và rèn luyện tại nhà trường. Bên cạnh đó, sự phát triển của KT-XH có cả mặt tích cực và tiêu cực đòi hỏi TT phải không ngừng nâng cao nhận thức, kịp thời định hướng, điều chỉnh hành vi của SV và phải được duy trì bền vững. Từ đó, đòi hỏi TT phải thực hiện một cách có kế hoạch nhằm tác động thường xuyên, có hệ thống vào nhận thức, tình cảm, lí trí của SV; nâng cao nhận thức, kĩ năng, thái độ tích cực; làm cho SV chấp nhận và duy trì những hành vi mới có lợi trong quá trình giải quyết các vấn đề liên quan đến lối sống và học tập của SV theo định hướng mục tiêu GD-ĐT của nhà trường đặt ra.

3. Biện pháp nâng cao hiệu quả tác động của TTTNT đến lối sống SV ở các cơ sở giáo dục đại học

3.1. Nâng cao nhận thức của các chủ thể TT về vai trò của TT trong công tác giáo dục lối sống cho SV. Để TTTNT phát huy được hiệu quả, trước hết các lực lượng giáo dục đồng thời cũng là chủ thể TT phải nhận thức được vai trò của TT trong giáo dục lối sống cho SV. Muốn vậy, trước hết trong các cơ sở giáo dục đại học cần đẩy mạnh việc quán triệt Nghị quyết của Đảng ta về đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT, trong đó có nội dung đẩy mạnh ứng dụng CNTT và TT trong dạy và học một cách sâu rộng trong nhà trường. Tinh thần đổi mới GD-ĐT này phải trở thành một trong những nội dung chỉ đạo cơ bản của tổ chức Đảng, chính quyền các cấp trong nhà trường để triển khai đến toàn thể cán bộ, đảng viên, giảng viên, viên chức trong nhà trường. Hơn nữa, việc nâng cao nhận thức không chỉ thông qua công tác triển khai, học tập Nghị quyết mà còn phải thể hiện bằng hành động cụ thể. Thông qua những hành động chủ động, tích cực, sáng tạo phát huy sức mạnh TTTNT một cách cụ thể sẽ tạo nên hiệu ứng tích cực, thể hiện quyết tâm của các lực lượng giáo dục trong nhà trường.

Nâng cao nhận thức về vai trò của TTTNT phải song hành với đổi mới tư duy về vai trò, nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục đại học. Đó là phải xác định mỗi trường đại học là một cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và nhu cầu học tập của nhân dân. Từ đó đặt ra yêu cầu phải được coi là vấn đề sống còn của mỗi trường đại học là nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới nội dung, chương trình và cả phương thức phục vụ. Phải biến quá trình TT một chiều thành TT hai chiều, phải coi SV vừa là đối tượng vừa là “đối tác quan trọng” của TTTNT để tạo nên sự hiểu biết, đồng thuận

giữa hai bên nhằm một mục đích chung là “nhà trường dạy cho tốt và SV học cho tốt”.

3.2. Đổi mới nội dung, hình thức, phương thức tổ chức TT trong giáo dục lối sống và học tập cho SV. Đổi mới nội dung TT phải gắn với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và nhu cầu của người học. Phương châm đó phải thể hiện được trong kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.

Trong kế hoạch đó, nội dung TT phải đảm bảo tính cân đối giữa nội dung “cứng” (đáp ứng những yêu cầu của chương trình GD-ĐT nhà trường) với nội dung “mềm” (đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của người học trong sự thay đổi không ngừng của đời sống xã hội). Khắc phục tình trạng TT của nhiều trường đại học hiện nay chủ yếu chú trọng TT về nội quy, nề nếp, kỉ luật; chế độ, chính sách; các hoạt động thể thao, văn nghệ; hoạt động từ thiện, tình nguyện... mà chưa chú trọng đúng mức đến nội dung TT về những vấn đề người học thấy cần thiết đối với họ như định hướng nghề nghiệp, tư vấn việc làm hay những vấn đề thực tiễn xã hội đang đặt ra đòi hỏi phải giải quyết khiến việc học tập của SV vẫn còn nặng về lí thuyết, chưa chú trọng trang bị hiểu biết xã hội, kĩ năng thực hành nghề nghiệp hay kĩ năng sống. Muốn vậy, các lực lượng giáo dục trong nhà trường cần phải sâu sát, nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của SV; điều tra, khảo sát định kì, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch TT vừa đảm bảo tính nguyên tắc vừa đảm bảo tính mềm dẻo, linh hoạt.

Về hình thức, phương thức tổ chức TTTNT cần phong phú, đa dạng, tiện lợi và hiệu quả. Theo tinh thần Nghị quyết về đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT của Đảng ta, nhà trường tiếp tục chỉ đạo việc tăng cường những biện pháp TT ngoài lớp học, tăng cường tính tự học, tự giáo dục của SV. Muốn vậy cần có sự chỉ đạo thống nhất của Đảng ủy, BGH nhà trường, trên cơ sở đó các đơn vị thuộc trường tăng cường sự đa dạng hóa các hình thức, phương thức TTTNT. Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của các loại hình như tạp chí, bảng tin, website, chương trình phát thanh Tiếng nói SV... Phải xác định, mỗi hình thức TT không chỉ đáp ứng yêu cầu mang tính công khai thông báo thông tin mà còn đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin phong phú (tài liệu chuyên khảo, tham khảo, thời sự...) phục vụ quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện đạo đức, lối sống của SV. Tăng cường các hình thức, phương thức TT về cả mặt số lượng và chất lượng, chú trọng tính tiện lợi nhằm

phát huy tốt nhất hiệu quả của các hình thức, phương thức đó. Trong đó phải kể đến biện pháp đẩy mạnh ứng dụng CNTT, hiện đại hóa các hình thức, phương thức truyền thông; chú ý khai thác các loại hình phù hợp với hoạt động sống (học tập, nghỉ ngơi) của SV trong mọi lúc, mọi nơi.

3.3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác TTTNT. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho các hoạt động dạy và học trong nhà trường thông qua nhiều biện pháp cụ thể phù hợp điều kiện không gian, thời gian và năng lực tài chính của nhà trường. Việc tăng cường cơ sở vật chất cho công tác TT cũng đòi hỏi phải được xây dựng theo kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn; chú trọng sự tiết kiệm, hiệu quả và luôn luôn sáng tạo.

Hàng năm, cần có kế hoạch bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất cho hệ thống lớp học phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại để tạo điều kiện tốt nhất cho công tác TT trong giờ chính khóa. Trang bị lớp học cần kết hợp đảm bảo những trang thiết bị của phòng học truyền thống (bàn, ghế, bảng từ, phấn trắng) với bổ sung những trang thiết bị hiện đại như: máy tính để bàn, máy chiếu qua đầu, bảng thông tin, mạng Internet thông suốt...

Trong khuôn viên nhà trường tiếp tục có sự đầu tư cơ sở vật chất cho việc chuyển tải thông tin thuận lợi, hiệu quả nhất, đặc biệt phải chú trọng ứng dụng CNTT trong TT. Tiếp tục nâng cao chất lượng trang website, Tạp chí trong trường về cả nội dung và hình thức. Chuyển tải nội dung hệ thống văn bản thông qua tất cả các hình thức kể cả truyền thống (bảng tin, dán tại cửa văn phòng khoa...) và hiện đại hóa công tác này như xây dựng bảng thông tin điện tử ở khu vực giảng đường, khu vực nghỉ giải lao của SV,...

3.4. Nâng cao trình độ, kỹ năng TT cho nguồn nhân lực liên quan công tác TTTNT. Trước hết, cần xác định mỗi cá nhân, tập thể thuộc trường đều là chủ thể TT. Đối với đội ngũ GV bộ môn, GV chủ nhiệm, cố vấn học tập thì ngoài trình độ, kỹ năng sư phạm cần nâng cao trình độ, kỹ năng truyền thông. Công tác TT của GV gắn với việc đổi mới phương pháp dạy học, thực sự chuyển trung tâm của quá trình giảng dạy và TT từ người dạy (GV) sang người học (SV).

Phòng chức năng (Phòng Công tác HS - SV) cần có nhân sự chuyên trách về TT để có sự tham mưu kịp thời, nhất quán về TTTNT và chuyên nghiệp hóa công tác truyền thông. Viên chức TT cần có trình độ,

kỹ năng TT đáp ứng yêu cầu công việc, đồng thời là người hướng dẫn, giúp đỡ những lực lượng giáo dục khác trong nhà trường nâng cao trình độ TT.

Đối với các viên chức phòng ban chuyên môn không chỉ có chuyên môn phù hợp mà còn cần nâng cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng về kỹ năng TT để nâng cao hiệu quả TT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Cán sự lớp cũng phải được coi là một nguồn nhân lực quan trọng trong nâng cao hiệu quả TTTNT nên phải đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu như: mạnh dạn, tự tin, có khả năng tuyên truyền, vận động; có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. GV chủ nhiệm cần đặc biệt coi trọng lực lượng này và có sự giúp đỡ, hướng dẫn, uốn nắn kịp thời để nâng cao chất lượng TT của cán sự lớp.

3.5. Nâng cao năng lực, tính chủ động trong tiếp nhận, phản hồi TT và ý thức tự giáo dục lối sống tốt đẹp của SV. Cùng với việc tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, nâng cao năng lực nhân lực TT cần tạo điều kiện cho SV tiếp cận TT một cách thuận lợi nhất - tạo môi trường bên ngoài thuận lợi cho SV tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả TT thì một yếu tố không thể thiếu được là bản thân mỗi SV cần phải nâng cao năng lực, tính chủ động trong tiếp cận và tiếp nhận thông tin TT. Trong thực tế, do yếu tố năng lực cá nhân, trang bị đồ dùng học tập, sinh hoạt của các nhóm SV khác nhau nên khả năng và điều kiện tiếp cận TT của SV cũng khác nhau. Từ đó đòi hỏi nhà trường phải có sự đầu tư thỏa đáng trang thiết bị hiện đại trong nhà trường tạo cơ hội cho mọi SV được tiếp cận thông tin. Bên cạnh đó, công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động của các tổ chức Đoàn, Hội; đội ngũ GV phải được đẩy mạnh. Trên cơ sở tạo môi trường thuận lợi cho SV tiếp cận TT, nhà trường cần khuyến khích SV nâng cao ý thức tự học, tự giáo dục; tinh thần trách nhiệm trong phản hồi thông tin thông qua các cơ chế phù hợp như: đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, trong đó chú trọng đánh giá năng lực, vận dụng thông tin TT vào giải quyết những vấn đề học tập, tư tưởng đạo đức, lối sống; tạo phong trào tích cực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao lành mạnh; xây dựng các diễn đàn trao đổi thể hiện quan điểm sống tốt đẹp của SV trước những vấn đề xã hội... Qua đó, SV nhận thức được tầm quan trọng của TTTNT góp phần tạo nên sự trưởng thành về mọi mặt của SV và không ngừng nâng cao ý thức tự học, tự giáo dục.

(Xem tiếp trang 163)

thể lực thù địch trong nội bộ tập thể SV; nhận diện và tránh giao lưu, tiếp xúc với các phần tử xấu, cực đoan, cơ hội; chuyên tâm, chăm chỉ học hành, tiếp thu kiến thức, tích cực trau dồi học vấn, đạo đức nghề nghiệp; chọn lọc các thông tin trong cuộc sống; tin tưởng vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng; vận động bạn bè, người thân và nhân dân không nghe theo xúi giục, dụ dỗ của các phần tử phản động... Làm tốt công tác định hướng thông tin cho SV, tập trung đổi mới nâng cao ý thức, trách nhiệm của SV trong nghiên cứu vận dụng lí luận vào thực tiễn nhằm góp phần làm thất bại những âm mưu, thủ đoạn của “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.

2.4. Tổ chức đa dạng các hoạt động giáo dục lành mạnh, vận động sự tham gia của SV trong giờ nghỉ, ngày nghỉ. Ngoài các hoạt động dạy học, cần tăng cường các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp để vận động SV tham gia vào các hoạt động tập thể lành mạnh. Hiện nay, ngoài giờ học trên lớp, SV rất ít được tham gia các hoạt động tập thể, nội dung tổ chức các hoạt động diễn ra hàng năm nghèo nàn, đơn điệu, kém thu hút, hấp dẫn SV. Vì vậy, SV có nhiều thời gian rảnh rỗi, la cà, giao lưu tiếp xúc với các tệ nạn xã hội, các phần tử phản động, dễ dẫn đến các suy nghĩ cực đoan hoặc tham gia các hoạt động, tổ chức mà không có sự kiểm soát của Nhà trường - Gia đình - Xã hội. Trong khi, đa số SV hiện nay rất hào hứng với các hoạt động chính trị - xã hội, họ mong muốn được tham gia các hoạt động, phong trào học sinh, SV để thể hiện, trải nghiệm bản thân; đồng thời, tiếp thu, lĩnh hội kinh nghiệm sống, rèn luyện ý chí, hoàn thiện nhân cách, đáp ứng yêu cầu xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng lí tưởng cách mạng cho SV thông qua các hoạt động công tác Đoàn, Hội và nhiều phong trào hành động phù hợp với cuộc sống và học tập của SV. Đặc biệt, tổ chức các hoạt động có tính giáo dục cao trong bồi dưỡng lí tưởng chính trị, lí tưởng nghề nghiệp, lí tưởng thẩm mỹ, chuẩn mực đạo đức văn hóa Việt Nam cho SV.

2.5. Phát huy vai trò của Hội SV. Hội SV ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay phát triển mạnh, tổ chức hoạt động tương đối phong phú, đa dạng, vận động được nhiều SV tham gia. Tuy nhiên, việc phát huy vai trò của Hội trong phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” cho SV chưa được đề cao. Trong nắm bắt tư tưởng của SV, quản lí thời gian ngoài giờ lên lớp và các mối quan hệ xã hội thì Hội SV là nơi tập trung và hiểu rõ nhất. Vì vậy, các lực lượng giáo dục cần kết hợp chặt chẽ với Hội SV tổ chức nhiều hoạt

động chính trị - xã hội bổ ích, định hướng tư tưởng hành động, bồi đắp lí tưởng sống, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi SV với xã hội và bản thân; nhà trường cần tổ chức, quản lí các hoạt động của Hội SV chính quy, chặt chẽ hơn đối với tôn chỉ mục đích và phương châm hoạt động của Hội; lựa chọn SV tiêu biểu làm nòng cốt phát triển các phong trào của Hội; chất lượng và kết quả tham gia các hoạt động của hội viên được tính thêm trong thành tích học tập của SV, tạo động lực và thu hút SV. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương (2005). *Nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch*. Tài liệu nội bộ.
- [2] Nguyễn Bá Dương (chủ biên) (2014). *Phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” góp phần làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình” ở Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.
- [3] Phạm Ngọc Hiền (2011). *Hỏi - Đáp về “diễn biến hòa bình” và “cách mạng màu”*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Nguyễn Mạnh Hưởng (2005). *Cảnh giác với “tự diễn biến”, nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch*. Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương.
- [5] Trần Nam Chuân (2012). *Phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ: Nhiệm vụ then chốt trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng*. Tạp chí Cộng sản.

Truyền thông trong nhà trường...

(Tiếp theo trang 167)

Như vậy, TTTNT đóng một vai trò quan trọng trong quá trình học tập, rèn luyện lối sống tốt đẹp của SV. Để phát huy hiệu quả TTTNT đòi hỏi sự nỗ lực tham gia của tất cả các lực lượng giáo dục trong trường và ý thức vươn lên của SV. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013, Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
- [3] Bộ GD-ĐT. *Quyết định số 50/2007/QĐ-BGDĐT ngày 29/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy định về công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp*.
- [4] Dương Xuân Sơn (2012). *Giáo trình Lí luận báo chí truyền thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.